TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 08/7/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Thành.

Các Thẩm phán: Ông Trương Quốc Văn;
Bà Hoàng Lan Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLPT-HNGĐ ngày 22/4/2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số:10/2019/HNGĐ-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2019/QĐ-PT ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đình T - Sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Hà Thị V - Sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Hà Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Vũ Đình T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Hà Thị V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga Văn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào tháng 11/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã N, huyện

Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giúp bố mẹ điều trị bệnh xương khớp cho dân. Tuy công việc của gia đình ổn định, nhưng trong cuộc sống của vợ chồng lại nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do chị V thường xuyên bỏ bê việc gia đình, không quan tâm đến chồng con, có quan hệ với người đàn ông khác, qua tin nhắn, hình ảnh và cả việc anh bắt được tại nhà nghỉ. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dù vẫn sống chung một nhà nhưng anh và chị V không còn quan tâm đến nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị Hà Thị V.

Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung gồm cháu Vũ Thị Thu, sinh ngày 07/9/2000; Vũ Thị Kiều Trang, sinh ngày 25/7/2007 và Vũ Đình Đức, sinh ngày 11/9/2011. Hiện tại các cháu đều sinh sống cùng bố mẹ. Cháu Thu đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Riêng cháu Trang và Đức, sau khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Đức, giao cháu Trang cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn chị Hà Thị V trình bày:* Về hôn nhân:

Chị và anh T kết hôn như anh T trình bày là đúng. Tuy nhiên, vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì. Tại biên bản hòa giải, về hôn nhân chị không đồng ý ly hôn, dù cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, anh T cho rằng chị có quan hệ với người đàn ông khác là không đúng. Những hình ảnh anh T xuất trình cho Tòa án chỉ là chị lấy trên mạng xuống để thử chồng. Thực tế anh T mới là người đi ngoại tình, chị biết nhưng không thể xuất trình bằng chứng được. Nếu anh T vẫn cương quyết ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung như anh T trình bày là đúng. Cháu Thu đã trưởng thành chị cũng không yêu cầu giải quyết, cháu Trang và Đức còn nhỏ, nếu giải quyết ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai cháu. Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mức cấp dưỡng chị đề nghị xem xét theo quy định.

Về tài sản: Tại đơn đề nghị đề ngày 04/01/2019 chị yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng anh chị theo quy định của pháp luật gồm: nhà, đất, xe máy, xe ô tô, đồ dùng điều trị bệnh nhân và tiền tiết kiệm gửi Ngân hàng.

Về nợ chung: Chị V cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Bản án hôn nhân và gia đình số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn của anh Vũ Đình T, cho anh T được ly hôn chị Hà Thị V.

2. Về con: Giao cháu Vũ Đình Đức, sinh ngày 11/9/2011 cho anh Vũ Đình T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Vũ Thị Kiều Trang, sinh ngày 25/7/2007 cho chị Hà Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với yêu cầu về tài sản của bị đơn: Do chị V không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu mà chị đề nghị trong thời hạn luật định. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị V không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cũng như giá trị các loại tài sản mà chị yêu cầu. Do đó, yêu cầu về tài sản của chị không được Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận giải quyết trong cùng một vụ án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, chị Hà Thị V kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Vũ Đình T không rút đơn khởi kiện; bị đơn chị Hà Thị V giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến nay thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 BLTTDS.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho anh Vũ Đình T được ly hôn chị Hà Thị V; y án sơ thẩm.

- Về con chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Hà Thị V, anh Vũ Đình T không thỏa thuận được với nhau về nuôi con, hai cháu Đức và Trang có mặt tại phiên tòa đều có nguyện vọng được ở với bố nên đề nghị HĐXX giữ nguyên án sơ thẩm giao cháu Vũ Đình Đức, sinh ngày 11/9/2011 cho anh Vũ Đình T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Thị Kiều Trang, sinh ngày 25/7/2007 cho chị Hà Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn cho các đương sự trong vụ kiện khác khi có yêu cầu.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của BLTTDS; sửa bản án sơ thẩm phần tuyên về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn chị Hà Thị V làm trong thời hạn luật định phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 BLTTDS. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của chị Hà Thị V:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Hà Thị V, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị V kháng cáo không đồng ý ly hôn. Nhận thấy việc ly hôn là quyền của các đương sự, phải xuất phát từ hai phía. Quá trình sơ thẩm mặc dù chị V không đồng ý ly hôn với anh T vì cho rằng vợ chồng vẫn sống chung với nhau, không có mâu thuẫn gì, nhưng anh T vẫn kiên quyết ly hôn với chị V chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cấp sơ thẩm quyết định cho anh T ly hôn với chị V là phù hợp với quy định.

[2.2] Về con cái: Chị V đề nghị được nuôi cả hai con vì quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, hai con đều có nguyện vọng được ở với mẹ, nếu không được đề nghị cho chị được nuôi cháu Đức vì cháu Đức còn nhỏ. Xét thấy, cả chị V và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con. Nguyện vọng của chị V và anh T là chính đáng, thể hiện trách nhiệm của bố mẹ đối với con cái. Theo quy định của pháp luật khi xét cho ai nuôi con phải đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho con. Cả chị V và anh T đều làm tự do, nếu giao hai con cho chị V nuôi sẽ rất khó khăn, nên Tòa tuyên mỗi người nuôi 1 cháu là đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị V và anh T không thỏa thuận được với nhau về nuôi con hơn nữa cũng tại phiên tòa, cháu Trang và cháu Đức có mặt và đều đề nghị được ở với anh T. Để không bị xáo trộn và đảm bảo sự phát triển ổn định, bình thường mọi mặt cho con trẻ. Nghĩ cần giao cháu Vũ Thị Kiều Trang cho chị V và giao cháu Vũ Đình Đức cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, giới tính và các quy định của pháp luật. HĐXX giữ nguyên phần giao con của cấp sơ thẩm.

[2.3] Về tài sản: Chị V kháng cáo không đồng ý với phán quyết của Tòa án vì cho rằng tòa phán quyết ly hôn lại không chia tài sản cho chị và liệt kê những tài sản chung gồm có: 07 miếng đất, tiền gửi ngân hàng anh T là người giữ chị là công dân không thể thu thập được. Còn nhà cửa, xe cộ là những tài sản hiện hữu thì Tòa án không xác minh, định giá hay phân chia cụ thể cho vợ chồng.

Nhận thấy: Tại cấp sơ thẩm chị V yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản, Tòa án đã ra thông báo số 01/TB-TA ngày 08/01/2019 yêu cầu chị V cung cấp tài liệu chứng cứ để có căn cứ thụ lý giải quyết, nhưng chị V không cung cấp. Tại công văn trả lời đơn số 01/TA-NS ngày 15/01/2019, Tòa án đã đề nghị chị V nêu rõ nguồn gốc tài sản, tình trạng tài sản, giá trị tài sản, hoặc những tài liệu khác liên quan đến tài sản mà chị yêu cầu, nhưng quá trình sơ thẩm chị V không cung cấp được và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ. Nên Tòa án không có căn cứ để giải quyết yêu cầu của chị V là đúng quy định. Tòa án đã ra quyết định tách vụ án số 01/2019/QĐ-TVA ngày 18/02/2019 tách yêu cầu chia tài sản chung và dành quyền khởi kiện chia tài sản chung bằng vụ án khác cho các đương sự. Như vậy, trong vụ án này Tòa án chưa giải quyết phân chia tài sản chung, theo quy định chị V vẫn có quyền nộp đơn đề nghị chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn ở vụ án khác, do đó quyền và lợi ích của chị V không bị ảnh hưởng.

Chị V kháng cáo cho rằng Tòa án phán quyết ly hôn lại không chia tài sản cho chị là không chính xác, không có căn cứ, không chấp nhận kháng cáo của chị V. HĐXX cấp phúc thẩm cần sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm, tuyên về phần tài sản: Dành quyền khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn cho các đương sự ở vụ án khác khi có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Vũ Đình T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên chị V không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 1 Điều 28; Điều 38; Điều 147; khoản 2 Điều 148 BLTTDS; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa như sau:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Đình T, cho anh T được ly hôn chị Hà Thị V.

Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Kiều Trang, sinh ngày 25/7/2007 cho chị Hà Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Vũ Đình Đức, sinh ngày 11/9/2011 cho anh Vũ Đình T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Dành quyền khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn cho các đương sự trong vụ kiện khác theo Quyết định tách vụ án số 01/2019/QĐ-TVA ngày 18/02/2019 của TAND huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí sơ thẩm: Anh Vũ Đình T phải chịu án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004945 ngày 21/11/2018 tại Chi cục THADS huyện Nga Sơn, anh T đã nộp đủ án phí.

Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nên chị V không chịu án phí phúc thẩm, trả lại cho chị V số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/ 0005039 ngày 01/4/2019 tại Chi cục THADS huyện Nga Sơn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND, VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Văn, H. Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Thành